TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 17 – 8 – 2018.
V/v tranh chấp ly hôn
và quyền nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Mai Thiện Kế.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên Tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con chung.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 10/2018/HNGĐ-ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2018/QĐ-PT ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng *(Có mặt)*.

- *Bị đơn:* Anh Phan Hoàng A, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng *(Có mặt)*.

- Người kháng cáo: Anh Phan Hoàng A là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Hoàng A quen biết nhau do mai mối, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục của người Khmer vào năm 2011 đến ngày 25/02/2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C,

huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do anh Hoàng A có tính ích kỷ, thường xuyên đi nhậu về và có hành vi bạo lực gia đình, không tôn trọng cha mẹ vợ, hay ghen tuông mù quáng, chị không còn tình cảm với anh Hoàng A. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 05 tháng nay, do đó chị H yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng A.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có một con chung tên Phan Văn Q, sinh ngày 19/02/2012 hiện đang sống với anh Hoàng A. Sau khi ly hôn chị H đồng ý giao con cho anh Hoàng A nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, việc cấp dưỡng nuôi con chị H và anh Hoàng A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phan Hoàng A trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, cũng như về con chung, tài sản chung và nợ chung như chị H trình bày là đúng. Anh có đánh chị H 01 tác tay và có cự cãi với mẹ vợ, nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị H do vẫn còn thương vợ nên yêu cầu được hàn gắn để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 10/2018/HNGĐ-ST ngày 11/6/2018 đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phan Hoàng A.

Về quyền nuôi con: Giao cho anh Phan Hoàng A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Văn Q, sinh ngày 19/02/2012 đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do anh Hoàng A không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 12/6/2018, bị đơn anh Phan Hoàng A kháng cáo bản án sơ thẩm trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp đơn xin ly hôn của chị Trần Thị H vì anh Phan Hoàng A còn thương vợ thương con.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị H không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh Phan Hoàng A không rút đơn kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung kháng cáo tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Phan Hoàng A, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử *(HĐXX)* nhận định:

[1] Đối với các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung, sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên HĐXX cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết và đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của anh Phan Hoàng A về việc yêu cầu không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H. Thấy rằng, về quan hệ hôn nhân chị Trần Thị H và anh Phan Hoàng A quen biết nhau do mai mối, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2011, hôn nhân của anh chị trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Đến ngày 25/02/2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, theo chị H trình bày nguyên nhân do anh Hoàng A có tính ích kỷ, thường xuyên đi nhậu về và có hành vi bạo lực gia đình, không tôn trọng cha mẹ vợ, hay ghen tuông mù quáng, vợ chồng không còn yêu thương nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng A. Còn anh Hoàng A cho rằng anh còn rất yêu thương vợ, trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đôi lúc có cãi vã là chuyện bình thường trong cuộc sống hàng ngày và mâu thuẫn của vợ chồng không đến mức trầm trọng phải ly hôn, nên anh không đồng ý ly hôn và xin được hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Thấy rằng, hôn nhân là một mối quan hệ đặc biệt được xây dựng trên tinh thần tự nguyện để tạo dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng từ khi chị H và anh Hoàng A kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được và anh chị đã không còn sống với nhau hơn 05 tháng nay. Sau khi kháng cáo anh Hoàng A cùng với mẹ và chú của anh có qua nhà vợ để xin hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, tại phiên

tòa phúc thẩm chị H cho rằng không còn tình cảm với anh Hoàng A và cương quyết xin được ly hôn với anh Hoàng A và anh chị cũng không về đoàn tụ lại với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Hoàng A đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên kháng cáo của anh Hoàng A về việc yêu cầu không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

[3] Do kháng cáo của anh Phan Hoàng A không được chấp nhận, nên anh Hoàng A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Hoàng A và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ như vừa nhận định, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Phan Hoàng A.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 10/2018/HNGĐ-ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Án sơ thẩm tuyên như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phan Hoàng A.

- Về quyền nuôi con: Giao cho anh Phan Hoàng A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Văn Q, sinh ngày 19/02/2012 đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do anh Hoàng A không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Phan Hoàng A phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003212 ngày 13/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh Hoàng A đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị,

không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn